TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- ***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xuân Đăng.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T ngày 20/6/1993 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Thạch Đ năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2025, nguyên đơn bà Trần Thị T1 trình bày: Bà và ông Thạch Đ1 tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăngvào ngày 17/5/2017. Vợ chồng có một người con chung tên Thạch Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/9/2015 và hiện đang sống với bà. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ tháng 6/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cải vã với nhau. Bà thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên muốn trả tự do cho nhau.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Đ1.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Thạch Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/9/2015 và không yêu cầu ông Thạch Đ1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Thạch Đ1 vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã P, thành phố C Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông Thạch Đ1 tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên trong vụ án này bà T và ông Thạch Đ1 đã sống ly thân, quá trình giải quyết ông Đ đã được thông báo về việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, được triệu tập hòa giải nhưng ông Đ không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đã cho thấy quan hệ giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng không thể hàn gắn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: Bà T và ông Thạch Đ1 có một người con chung là tên Thạch Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/9/2015 đang sống với bà T2 Xét thấy con chung có nguyện vọng được sống với mẹ, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà T được nuôi dưỡng con chung Thạch Thị Ngọc Y. Ông Thạch Đ1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị T1 và ông Thạch Đ1 không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc cấp dưỡng cho con.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn bà Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị T1 được ly hôn với ông Thạch Đ1.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị T1 được nuôi dưỡng con chung tên Thạch Thị Ngọc Y, sinh ngày 05/9/2015 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Thạch Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Trần Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Trần Thị T1 đã nộp xong án phí theo biên lai thu số 0001887 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Lộc, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai